TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/DS - ST
Ngày: 18- 4 - 2023.
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hướng và bà Nguyễn Thị P

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QDDXXST-DS ngày 16/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 và anh Hoàng Văn T, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối PH, phường QP, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn HY, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Theo giấy ủy quyền ngày 26/11/2021. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1976 và Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Anh P chị H vắng mặt.

Địa chỉ: Khối T, phường QP, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, anh Hoàng Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc L thống nhất khai:

Vợ chồng chị Nguyễn Thị L anh Hoàng Văn T và vợ chồng chị Nguyễn Thị H anh Hoàng Văn P là người cùng phường, quen thân với nhau do nể nang, tin tưởng nên vào ngày 05/02/2017 chị Nguyễn Thị L có cho chị Nguyễn Thị H

và anh Hoàng Văn P vay số tiền 200.000.000đ. Ngày 10/5/2017 chị L tiếp tục cho vợ chồng chị H anh P vay số tiền 170.000.000đ. Tổng số tiền hai lần chị L cho vợ chồng chị H anh P vay là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Giấy vay do chị L viết, chị H ký tên người vay tiền vào giấy vay tiền. Số tiền cho vay là tài sản chung của chị L và anh T. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay để mua sắm tài sản, trang thiết bị cho việc đánh bắt hải sản của chị H và anh P. Hai bên thỏa thuận và cam kết sau khi tàu đánh bắt hải sản của anh P đi đánh bắt về được bao nhiêu thì bán cho anh T và chị L. Anh T và chị L trả đầy đủ số tiền hải sản của lần đó, tiền vay vẫn để nguyên không trừ vào tiền mua hải sản. Hai bên cam kết khi anh P chị H chuyển hình thức đánh bắt khác, chuyển đổi nghề khác hoặc không đi đánh bắt hải sản nữa thì vợ chồng anh P, chị H phải hoàn trả lại đầy đủ số tiền đã vay cho vợ chồng anh T, chị L. Hiện tại anh P chị H đã chuyển nghề khác đã lâu, chị L anh T đã nhiều lần đòi lại số tiền mà vợ chồng anh P chị H đã vay nhưng anh P chị H không trả. Anh T và chị L đã gửi thông báo ngày 25/7/2022 về việc yêu cầu trả nợ, chị H đã nhận được thông báo ngày 02/8/2022. Nay anh T và chị L yêu cầu vợ chồng anh P và chị H trả cho anh chị số tiền gốc 370.000.000đ và tiền lãi suất của số tiền 370.000.000đ với mức 0,8%/tháng tính từ tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/10/2022 là: 5.200.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi anh T và chị L yêu cầu vợ chồng anh P và chị H phải trả là 375.200.000đ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất. Không yêu cầu anh P và chị H trả tiền lãi suất là 5.200.000đ như trong đơn khởi kiện mà chỉ yêu cầu trả tiền gốc là 370.000.000đ. Chị H và anh P khai số tiền 370.000.000đ trong đó có số tiền của anh Hoàng Văn Q và chị Hồ Thị H là không có căn cứ. Đây là số tiền của anh T và chị L không liên quan gì đến anh Q và chị H.

- *Tại bản biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị H khai:*

Khoảng năm 2015, năm 2016 gia đình chị H và anh P có một tàu đánh cá. anh Hoàng Văn Q và chị Hồ Thị H, chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn T đấu thầu mua hải sản khi tàu đánh bắt về. Số tiền đấu thầu là 370.000.000đ. Số tiền 370.000.000đ được chị L và H (vợ anh Hoàng Văn Q) đưa nhiều lần. Lần 1 đưa 200.000.000đ. Lần 2 đưa 100.000.000đ và lần 3 đưa nhiều lần sau đó. Tổng số tiền chị đã nhận là 370.000.000 đồng. Số tiền này để được mua hải sản sau khi thuyền của chị H anh P đi đánh bắt hải sản về . Khi mua hải sản thì anh T, chị L và anh Quyết, chị Hồng vẫn thanh toán tiền mua hải sản mà không trừ vào số tiền đấu thầu 370.000.000đ. Khoản tiền 370.000.000 không phải tiền vay mà là tiền đấu thầu mua hải sản. Chữ ký vào người vay tiền là chữ ký của chị H nhưng chị L cho chị ký vào một tờ giấy trắng mục đích chị L nói để vay vốn ngân hàng. Sau đó chị L viết nội dung như thế nào thì chị không biết. Số tiền 370.000.000đ thì anh P không biết. Nay anh T và chị L yêu cầu vợ chồng chị trả tiền gốc 370.000.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/10/2022 là: 5.200.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi anh T và chị L yêu cầu vợ chồng anh P và chị H trả là 375.200.000đ thì chị không đồng ý trả vì đây là tiền

đấu thầu thu mua hải sản vì thuyền của anh chị đã bị chìm thì thuyền đi đâu thì tiền theo đó.

- *Tại bản biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Văn P khai:* Anh có biết việc chị H nhận số tiền 370.000.000đ là tiền đấu thầu mua hải sản từ vợ chồng anh T chị L và vợ chồng anh Q chị H sau khi nghe chị H kể lại. Anh không biết gì về hai giấy vay tiền giữa chị H và chị L. Nay anh T và chị L yêu cầu vợ chồng anh trả lại số tiền gốc 370.000.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/10/2022 là: 5.200.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi anh T và chị L yêu cầu vợ chồng anh P và chị H trả là 375.200.000đ thì anh không đồng ý trả vì thuyền của vợ chồng anh bị tai nạn và chìm thuyền nên vợ chồng anh không có điều kiện để trả cho anh T và chị L.

- *Tại bản tự khai anh Hoàng Văn Q và chị Hồ Thị H thống nhất khai:*

Vợ chồng anh Q và chị H không biết và không liên quan gì về khoản vay giữa anh T, chị L và anh P, chị H nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định cuả pháp luật.

- *Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Ngọc D- Chủ tịch hội nông dân phường Quỳnh P:* Hình thức đấu thầu thu mua hải sản là việc chủ cơ sở thu mua hải sản đầu tư cho chủ tàu một khoản tiền, thông thường là không lấy lãi suất, mục đích hỗ trợ chủ tàu đầu tư trang thiết bị hoạt động khai thác hải sản và chủ tàu có nghĩa vụ bán hải sản cho chủ cơ sở thu mua hải sản khi khai thác về. Chủ cơ sở thu mua hải sản không phải là thành viên chung thuyền với chủ tàu. Sau khi tàu không còn khai thác hải sản hoặc chủ tàu chuyển đổi nghề khác thì trả lại tiền đầu tư cho chủ cơ sở thu mua hải sản. Không có trường hợp nào chủ tàu không có nghĩa vụ trả lại số tiền chủ cơ sở thu mua hải sản đã đầu tư. Chủ cơ sở thu mua hải sản thu mua hải sản của chủ tàu và thanh toán tiền mà không trừ vào số tiền đầu tư.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của BLTTDS. Bị ddơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về đề xuất giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 463, 466, 469 BLDS; Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn T, buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn P phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị L số nợ gốc 370.000.000 đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh P, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi suất của anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L.

Án phí: Anh Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại khối T, phường QP, thị xã HM, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

[2]. Phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H nhưng anh P và chị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày mở lại phiên tòa. Phiên tòa lần hai: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P và chị H nhưng anh P và chị H tiếp tục vắng mặt không lý do. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Bị đơn chị Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký tên người vay trong giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình có tại hồ sơ tòa án đúng là do chị ký tên. Tuy nhiên, chị H khai ký vào tờ giấy trắng để chị L vay vốn ngân hàng. Số tiền 370.000.000đ chị H nhận không phải của chị L và anh T mà có cả số tiền của anh Hoàng Văn Q và chị Hồ Thị H cùng góp tiền với anh T và chị L. Tuy nhiên, anh Q và chị H khai không liên quan gì đến số tiền này, anh T và chị L cũng không thừa nhận số tiền 370.000.000đ trong đó có một phần tiền của anh Q và chị H. Hội đồng xét xử xét thấy chị H, anh P khai như trên nhưng không cung cấp được tài L chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, lời khai của chị H, anh P là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy lý do anh P và chị H đưa ra để không trả lại số tiền 370.000.000đ cho anh T và chị L vì cho rằng đây là khoản tiền đấu thầu để dành quyền mua hải sản khi anh chị khi tàu cá khai thác về, không phải là tiền vay. Nay thuyền của anh chị đã bị chìm nên khoản tiền này không phải trả lại. Xét thấy căn cứ vào giấy vay tiền 05/02/2017 và ngày 10/5/2017 do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị H đã vay của chị Nguyễn Thị L tổng số tiền 370.000.000đ. Mục đích vay để đầu tư cho anh P và chị H khai thác hải sản và sau khi khác thác về bán lại cho anh T và chị L, anh T và chị L

không lấy tiền lãi của số tiền 370.000.000đ, anh P và chị H có nghĩa vụ trả lại tiền khi chuyển đổi nghề hoặc không đi biển nữa. Điều này phù hợp với kết quả xác minh Hội nông dân phường QP. Đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn trả và không có lãi suất. Anh P và chị H đều thừa nhận tàu cá của anh chị đã bị cháy và đã không đi khai thác hải sản. Anh T và chị L yêu cầu anh P và chị H trả lại số tiền 370.000.000đ là có căn cứ và được hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Hoàng Văn P không ký tên và giấy vay nợ. Tuy nhiên, mục đích vay nợ là để phục vụ mục đích kinh doanh chung của vợ chồng anh P và chị H. Anh P biết việc chị H nhận số tiền 370.000.000đ, không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 469 của BLDS buộc anh Hoàng Văn Phương và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L là có căn cứ.

[5]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi suất tiền lãi suất tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/10/2022 là 5.200.000đ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi suất của nguyên đơn.

[6]. Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa do đó nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39,147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Buộc anh Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi số tiền 5.200.000đ của nguyên đơn anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H phải chịu 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 9.380.000đ (chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0003580 ngày 19/10/2022.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trọng thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niên yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An.
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hồng Lĩnh